

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2190/QĐ-ĐHSPNTTW

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Thanh nhạc trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW
theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ
v/v thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm
định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại
học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường
ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP
Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 05/6/2023 về việc
sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Thanh
nhạc trình độ đại học;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc trình độ đại học của
Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ
năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị
hữu quan của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này. /

Nơi nhận:

- HĐT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; ĐT (06).

KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

PGS. TS. Lê Vinh Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: THANH NHẠC

Mã số: 7210205

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + **Tiếng Việt:** Thanh nhạc
 - + Tiếng Anh: Vocal music
- Mã số ngành đào tạo: **7210205**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Thanh nhạc
 - + Tiếng Anh: Bachelor of vocal music
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:
 - + Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - + Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;
 - + Căn cứ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên những kiến thức âm nhạc, kỹ thuật thanh nhạc cơ bản, nâng cao phát triển và hoàn thiện giọng hát, bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành.

Sản phẩm của chương trình đào tạo cử nhân ngành Thanh nhạc có kiến thức toàn diện ở trình độ đại học, có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuyên nghiệp, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực Thanh nhạc.

Về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp Người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức trách nhiệm với công việc, có kiến thức, năng lực chuyên môn đáp ứng được chất lượng chương trình độ đào tạo. Có lập trường tư tưởng vững vàng, nắm những đường lối và chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, có sức khỏe, tham gia tốt vào sự nghiệp biểu diễn nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát triển nền nghệ thuật âm nhạc tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Vận dụng được khối kiến thức chung trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thanh nhạc và giáo dục âm nhạc, có năng lực sư phạm để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập. Người học lĩnh hội kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ và kiến thức về các nghiệp vụ hỗ trợ như: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành; Khối kiến thức cơ sở ngành; Khối kiến thức chuyên ngành; Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp; Kiến thức tốt nghiệp... Nhằm tích lũy kiến thức nền tảng giáo dục âm nhạc, Vận dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành trên cơ sở đó vận dụng vào học tập, biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giáo dục âm nhạc, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật; cung cấp nguồn diễn viên cho các đoàn nghệ thuật, các trung tâm văn hóa; có khả năng quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Có khả năng quản lý công tác dạy học môn chuyên ngành và Âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục.

Có thể áp dụng các khối kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động biểu diễn, và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.

Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, phân đầu để trở thành một ca sĩ chuyên nghiệp, có tố chất của một người giảng viên giảng dạy chuyên ngành thanh nhạc, có năng lực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

2.2. Kỹ năng

Hình thành năng lực thực hành cơ bản và phương pháp theo yêu cầu của chương trình đào tạo đại học Thanh nhạc. Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Phát hiện và bồi dưỡng, đào tạo, phát triển cho những nhân tố có năng khiếu âm nhạc, ca hát. Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo. đáp ứng nhu cầu đổi mới của toàn xã hội. Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Có năng khiếu âm nhạc. Có giọng hát.
- Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc;
- Không trong thời gian bị truy tố hoặc thi hành án hình sự.

2. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo đề án của trường ĐHSP Nghệ thuật TW, theo tổ hợp môn

+ Ngữ văn

+ Kiến thức Âm nhạc tổng hợp - Xướng âm

+ Thanh nhạc.

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: theo chỉ tiêu hàng năm của trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (khoảng 100 sinh viên/ năm)

4. Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức
KT1	<i>Khối kiến thức chung:</i> Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành; Vận dụng kiến thức Pháp luật đại cương, giáo dục thể chất trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.
KT2	<i>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</i> 1. Áp dụng các kiến thức về quá trình lịch sử, các thành tố của văn hóa Việt Nam trong học tập, nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc. 2. Phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học của nhóm ngành vào quá trình hình thành, phát triển của lịch sử âm nhạc và văn minh thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập, nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc.
KT3	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành:</i> 1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản về âm nhạc ở trình độ đại học Thanh nhạc vào học tập, nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc cũng như quản lý công tác dạy học thanh nhạc ở các cơ sở. 2. Áp dụng kiến thức khoa học, kiến thức cơ sở ngành, lý luận dạy học, phương pháp dạy học thanh nhạc trên cơ sở để phát huy sáng tạo trong biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giảng dạy chuyên ngành thanh nhạc, tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật. Phát hiện, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển cho những nhân tố có năng khiếu âm nhạc, ca hát. 3. Xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp, thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc thông qua các chương trình biểu diễn nghệ thuật từ đó góp phần định hướng trong việc hoàn thiện nhân cách theo xu thế tích cực.

KT4	<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i> 1. Giúp cho người học nắm được các kiến thức cơ bản về Thanh nhạc, nâng cao và hoàn thiện về kỹ thuật xử lý tác phẩm, phân tích cấu trúc tác phẩm, tốc độ, tính chất của tác phẩm, tìm hiểu và phân tích nội dung tác phẩm. Nâng cao kỹ thuật xử lý ngôn ngữ trong tác phẩm, nâng cao cách phát âm tiếng Ý, Đức, Nga...chuẩn xác, nâng cao kỹ thuật nhả chữ, đóng chữ chuẩn xác. 2. Hoàn thiện xử lý tác phẩm với sự nhuần nhuyễn của các kỹ thuật Thanh nhạc với các phong cách âm nhạc của các tác giả, phong cách âm nhạc của các nhạc sĩ tiền cổ điển, phong cách âm nhạc của các nhạc sĩ lãng mạn. 3. Nâng cao về biểu hiện nghệ thuật trong tác phẩm, nâng cao phong cách biểu diễn tác phẩm với các kỹ thuật Thanh nhạc đã học, nghiên cứu nội dung tác phẩm, rèn luyện khả năng sáng tạo trong biểu diễn.
	4. Hoàn thiện xử lý sắc thái tình cảm một cách thuần thực, kỹ thuật nhuần nhuyễn qua các tác phẩm thanh nhạc với các phong cách khác nhau, cách thể hiện biểu diễn sâu sắc với sự sáng tạo của từng cá nhân
KT5	<i>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i> 1. Áp dụng được các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học tập để hoàn thành các đợt thực tập nghề nghiệp 1, 2, chương trình tốt nghiệp. 2. Khẳng định được vai trò của cuộc sống trong sáng tạo nghệ thuật. Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và quan sát thực tiễn, trên cơ sở đó phát huy khả năng biểu diễn. 3. Tổng hợp các kiến thức để đạt hiệu quả nhất chương trình thực tập nghề nghiệp 1, 2 và chương trình tốt nghiệp. 4. Thiết kế hoặc đề xuất được nội dung trong chương trình thực tập và tốt nghiệp.

	CDR - Kỹ năng
KN1	<i>Kỹ năng cứng</i> 1. Kỹ năng nghề nghiệp: Thành thực các kỹ năng nghề nghiệp hiểu và vận dụng được các kiến thức âm nhạc. Giọng hát đạt được kỹ thuật thanh nhạc để trình diễn được các thể loại như: ca khúc nghệ thuật, nhạc kịch cổ điển. 2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Chuẩn hoá khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Phát hiện vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp. 3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức. Chuẩn hoá khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ cho chuyên ngành. 4. Kỹ năng xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học, giáo dục 5. Kỹ năng tổ chức và triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục 6. Kỹ năng đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục: 7. Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp
KN2	<i>Kỹ năng mềm</i> 1. Các kỹ năng cá nhân: Thành thực các kỹ năng cá nhân, thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi. 2. Phối hợp làm việc theo nhóm: Xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh. 3. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm 4. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

KN3	<i>Kĩ năng giao tiếp:</i> 1. Thực hiện thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm. 2. Phối hợp tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục. 3. Kĩ năng truyền đạt vấn đề và giải đáp tới người khác; truyền tải, phổ biến kiến thức, kĩ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể phức tạp.
KN4	<i>Các kĩ năng mềm khác</i> 1. Sử dụng ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 1. Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành.
CDR - Mức tự chủ và trách nhiệm	
TC1	<i>Phẩm chất đạo đức cá nhân</i> - Tác phong chuyên nghiệp, có ý thức trách nhiệm, đưa ra ý kiến, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, có phẩm chất chính trị, đạo đức của người nghệ sĩ. Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, năng lực thẩm mỹ, đạo đức nhà giáo, nghệ sĩ.
TC2	<i>Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i> 1. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Làm việc độc lập, tự định hướng, nghiên cứu, có ý thức trách nhiệm, tự tin, chủ động, linh hoạt, tâm huyết và say mê lao động sáng tạo nghệ thuật. 2. Có khả năng đưa ra được sáng kiến, kết luận, chịu trách nhiệm cá nhân các về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối,
	phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.
TC3	<i>Phẩm chất đạo đức xã hội</i> -Có khả năng tự định hướng tuyên truyền và giáo dục tư tưởng cho nhân dân thực hiện tốt đường lối và chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Đại học Thanh nhạc:

- Hướng biểu diễn: Có đầy đủ trình độ và kỹ năng trở thành nghệ sĩ biểu diễn độc lập, nghệ sĩ chuyên nghiệp tại các đoàn nghệ thuật, nhà hát trên toàn quốc.
- Hướng sư phạm: Giảng dạy ở các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, Giáo viên âm nhạc trong các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, các trường phổ thông. từ tiểu học đến THPT.
- Hướng nghiên cứu: Làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu khoa học về âm nhạc. Cán bộ ngành Quản lý văn hoá của trung tâm, sở ban ngành của các tỉnh, Thành phố: các biên tập viên âm nhạc của đài Phát thanh- Truyền hình...

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu đảm bảo kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Thanh nhạc trong và ngoài nước.
- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thanh nhạc ở các cấp khác nhau.
- Có năng lực để tổ chức hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.

Các học phần trong Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
1. Khối kiến thức chung												
Triết học Mác - Lênin	3					4				3		
Kinh tế chính trị Mác -Lênin	3					4				3		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3					4				3		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3					4				4		
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3					4				4		
Tin học cơ bản	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Tiếng Anh 1	1	2	3			1	2	3		1	2	3
Tiếng Anh 2	1	2	3			1	2	3		1	2	3
Giáo dục thể chất 1	3					4	2	5		2	2	2

Giáo dục thể chất 2	3					4	2	5		2	2	2
Pháp luật đại cương	3					4				4		4
Giáo dục quốc phòng		2									2	
2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành												
2.1. Các học phần bắt buộc												
Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					4				4	
Mỹ học												
Cơ sở văn hoá Việt Nam		2				2		3				3
Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam		2				2		3				3
Tiếng Anh chuyên ngành	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Kỹ năng khởi nghiệp		3				4				4		
2.2. Các học phần tự chọn												
Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	3				2				4	3	4
Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo		3				4				4		
Tâm lý học nghệ thuật		3				4				4		

Tiếng Việt thực hành	1	2				1	2			1	2	3
3. Khối kiến thức cơ sở ngành												
3.1. Các học phần bắt buộc												
Lịch sử âm nhạc thế giới 1	2	3	3			2			5	4	3	4
Lịch sử âm nhạc thế giới 2	2	3	3			2				4	3	4
Âm nhạc Việt Nam	2	3	3			2			5	4	3	4
Lý thuyết âm nhạc 1	2		3	3		2	5		5	4	3	4
Lý thuyết âm nhạc 2	2		3	3		2	5		5	4	3	4
Phân tích tác phẩm 1		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Hoà thanh 1		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Ký xướng âm 1	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 2	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 3	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 4	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Giáo dục học		3				4					4	
2.2. Các học phần tự chọn												

Sáng tác	2	3				2				4	3	4
Giới thiệu nhạc cụ	2	3		3		2	2	5		4	3	4
Dân ca	2			3		2	5			4	3	4
Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	3	3	3			3	3	3	5	4	3	4
Chuyển soạn cho hợp xướng	2	3	3	3		2	5		5	4	3	4
4. Khối kiến thức chuyên ngành												
4.1. Các học phần bắt buộc												
Thanh nhạc 1.1 Vocal music 1.1		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2		2	2	2		2	2	2	2	3	3	3
Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1		3	3	3		3	3	3	3	3	3	3
Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2		3	3	3		3	3	3	3	4	4	4
Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1		4	4	4		4	4	4	4	4	4	4
Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2		4	4	4		4	4	4	4	4	4	4
Thanh nhạc 4.1 Vocal music 4.1		4	4	4		5	5	5	5	5	5	4

Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2		4	4	4		5	5	5	5	5	5	4
Piano 1		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
Piano 2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
Piano 3		3	3	3		3	3	3	3	3	3	3
Hợp xướng 1	2	3	3	3	3	2	5		5	4	3	4
Hợp xướng 2	2	3	3	3	3	2	5		5	4	3	4
Phát âm tiếng Ý và một số ngôn ngữ khác Italian and some foreign languages		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Lịch sử và PP Sư phạm Thanh nhạc History and pedagogical methods of singing		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Các môn tự chọn <i>Optional subjects</i>												
Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Thực hành biểu diễn Performance practice		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Đệm đàn 1		3	3	3			3	3	3	3	3	3

Accompanying instrument 1												
Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Chỉ huy hợp xướng	2	3	3	3	3	2	5		5	4	3	4
Chuyên đề		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Khối kiến thức thực tập												
Thực tập nghề nghiệp 1 Career Practice 1		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Thực tập nghề nghiệp 2 Career Practice 2		4	4	4			5	5	5	5	5	4
Khối kiến thức cuối khóa												
Chương trình biểu diễn nghệ thuật				5			5	5	5	5	5	5

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ (*chưa tính học phần Giáo dục Quốc phòng*)

1.1. Khối kiến thức chung (M1): 27 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành (M2): 18 tín chỉ

- Bắt buộc: 14 tín chỉ

- Tự chọn: 4 tín chỉ/ 8 tín chỉ

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3): 30 tín chỉ

- Bắt buộc: 26 tín chỉ

- Tự chọn: 4 tín chỉ/10 tín chỉ

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4): 36 tín chỉ

- Bắt buộc: 31 tín chỉ

- Tự chọn: 5 tín chỉ/ 13 tín chỉ

1.5. Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp (M5): 7 tín chỉ

1.6. Khối kiến thức cuối khóa (M6): 14 tín chỉ

II. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/Tự nghiên cứu...</i>	
I	M1	Khối kiến thức chung	27				
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	26	8	66	Không
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	2	4	46	50	Không
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2 (Cầu lông, Võ thuật, Khiêu vũ)	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	26	8	66	Không
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					Không

II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18				
II.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	14				
13	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	8	66	Không
14	MUS2002	Mỹ học	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
15	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam Fundamentals of Vietnamese Culture	3	39	12	99	Không
16	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Không
17	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	26	8	66	Tiếng Anh 2
18	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	15	30	90	Không
II.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	4/8				
19	MUS2003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	26	8	66	Không
20	PPE2003	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	26	8	66	Không
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	26	8	66	Không

22	CFL2008	Tiếng Việt thực hành Vietnamese Praticce	2	26	4	66	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành Fundemental subjects	30				
III.1		Các môn học bắt buộc Compulsory subjects	26				
23	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	26	8	66	Không
24	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 1
25	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 2
26	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	39	12	99	Không
27	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 1
28	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Music work analysis 1	2	26	8	66	Hòa thanh 1

29	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 2
30	MUS2017	Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	10	40	50	Không
31	MUS2018	Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
32	MUS2019	Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2	10	40	50	Ký xướng âm 2
33	MUS2020	Ký xướng âm 4 Tonic Sol-fa notation 4	2	10	40	50	Ký xướng âm 3
34	PPE2002	Giáo dục học Pedagogy	3	39	12	99	Tâm lý học
III. 2		Các môn học tự chọn Optional subjects	4/10				
35	MUS2012	Sáng tác Composition	2	26	8	66	Phân tích tác phẩm 1
36	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical Instruments	2	26	8	66	Không
37	VMU2001	Dân ca Singing folk songs	2	10	40	50	Không
38	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc Activities outside the classroom	2	10	40	50	Phương pháp dạy học âm nhạc 2

39	MUS2074	Chuyên soạn cho Hợp xướng Choir Arrangements	2	26	8	66	Hòa thanh 2
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành Speciality subjects	36				
IV. 1		Các môn học bắt buộc Compulsory subjects	31				
40	VMU2031	Thanh nhạc 1.1 Vocal music 1.1	2	4	26	70	Không
41	VMU2032	Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 1.1
42	VMU2033	Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1	2	4	26	70	Thanh nhạc 1.2
43	VMU2034	Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 2.1
45	VMU2035	Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1	2	4	26	70	Thanh nhạc 2.2
46	VMU2036	Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 3.1
47	VMU2037	Thanh nhạc 4.1 Vocal music 4.1	2	4	26	70	Thanh nhạc 3.2

48	VMU2038	Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 4.1
49	PIA2030	Piano 1	2	4	26	70	Không
50	PIA2031	Piano 2	2	4	26	70	Piano 1
51	PIA2032	Piano 3	2	4	26	70	Piano 2
53	MUS2080	Hợp xướng 1	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
54	MUS2081	Hợp xướng 2	2	10	40	50	Hợp xướng 1
55	VMU2030	Phát âm tiếng Ý	2	10	24	66	Không
56	VMU2022	Lịch sử và phương pháp sư phạm thanh nhạc	3	30	21	99	Không
IV. 2		Các môn tự chọn	5/13				
57	VMU2010	Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer	2	10	40	50	Không
58	VMU2025	Thực hành biểu diễn Performance practice	3	30	45	75	Không
59	IMU 2006	Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2	10	40	50	Không
60	IMU 2007	Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	2	10	40	50	Đệm đàn 1

61	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Choral conducting	2	10	40	50	Hợp xướng 2
62	VMU2013	Chuyên đề Other themes	2	20	14	66	Không
V	M5	Khối kiến thức thực tập	7				
63	VMU2039	Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1	3	6	39	105	Không
64	VMU2040	Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2	4	8	52	140	Thực tập nghề nghiệp 1
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa	14				
65	VMU2016	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14				Các học phần theo quy định
Tổng			132				